

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **56/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 03/3/ 2023.

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh và bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Phong - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2023, tại T1 sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 362/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/11/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/2/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Quý T**, sinh năm 1987,

Địa chỉ: Số 2/149 NCT, khu 4, phường B, thành phố D, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị **Lưu Thị B1**, sinh năm 1988,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T1, thị trấn C, huyện G, tỉnh Hải Dương. Địa chỉ hiện nay: Đài Loan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lưu Văn N**, sinh năm 1960, địa chỉ: Thôn T1, thị trấn C, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Anh T, chị B1, ông N đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Quý T trình bày:*

Anh và chị Lưu Thị B1 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B2, thành phố D, tỉnh Hải Dương vào ngày 14/8/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh, hạnh phúc với nhau được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp

nhau về tính cách, lối sống, bất đồng quan điểm sống trong việc làm ăn, kinh tế và nuôi dạy con cái, mâu thuẫn giữa mẹ chồng - nàng dâu, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, thậm chí còn xảy ra xô xát, cuộc sống áp lực, căng thẳng. Do mâu thuẫn, tháng 10/2020, chị B1 đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở G sinh sống, vợ chồng sống ly thân kể từ đó đến nay. Đầu năm 2022, anh đã làm đơn xin ly hôn chị B1, tuy nhiên sau khi được động viên, phân tích, anh đã suy nghĩ lại và rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ. Gia đình hai bên có biết về mâu thuẫn của vợ chồng anh, có can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng vẫn không thể khắc phục được mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung. Tháng 8/2022, chị B1 tự làm thủ tục sang Đài Loan xuất khẩu lao động, không thông báo hay bàn bạc gì với anh. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm hay liên lạc gì với nhau. Nhận thấy vợ chồng xa cách nhau đã lâu, anh không còn tình cảm với chị B1, cần phải giải thoát cho cả hai để ổn định cuộc sống riêng. Do đó, anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị B1.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Thị Diễm N1, sinh ngày 07/8/2010 và Nguyễn Quý P, sinh ngày 14/8/2012, hiện cháu N1 đang ở cùng anh còn cháu P đang ở cùng chị B1 và ông bà ngoại. Sau khi ly hôn, để ổn định cuộc sống cũng như học tập của các cháu, cũng như tôn trọng nguyện vọng của các con, anh đề nghị để anh được tiếp tục nuôi cháu N1, chị B1 tiếp tục nuôi cháu P, ông bà ngoại sẽ hỗ trợ chị B1 chăm sóc cháu P cho đến khi chị B1 về nước. Hai vợ chồng không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng ai. Anh hiện nay đang làm công nhân tại Công ty H, địa chỉ: Lô XN01 - Khu Công nghiệp A, phường M, thành phố D, thu nhập trung bình khoảng 17 triệu đồng/tháng. Anh và cháu N1 hiện đang ở cùng ông bà nội, bố mẹ anh hiện chỉ làm nội trợ ở nhà, hằng ngày hỗ trợ anh trong việc chăm sóc con cái.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn:* Trong quá trình giải quyết vụ án do anh T không cung cấp được địa chỉ của chị B1 tại Đài Loan nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xác minh qua gia đình chị B1, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của chị B1. Ông Lưu Văn N là bố đẻ chị B1 trình bày: Anh T và chị B1 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng anh T, chị B1 thì thoảng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do mâu thuẫn giữa chị B1 với gia đình anh T và giữa hai người nghi ngờ nhau tình cảm vợ chồng. Gia đình hai bên đã gặp gỡ để hàn gắn vợ chồng nhưng không có kết quả. Tháng 10/2020, chị B1 đã đưa con trai về nhà ông đẻ sinh sống, đến tháng 7/2022 chị B1 đi làm việc bên Đài Loan. Ông chỉ biết chị B1 đang ở Đài Loan, địa chỉ cụ thể ông không nắm được. Sau khi nhận thông báo về việc thụ lý vụ án, ông đã thông báo qua

điện thoại cho chị B1 biết về việc anh T làm đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Chị B1 không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu ly hôn, chị B1 có nguyện vọng nuôi con chung Nguyễn Quý P và đồng ý để anh T tiếp tục chăm sóc con N1, hai bên không phải cho cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cho nhau. Do chị B1 làm việc ở nước ngoài nên nhờ gia đình ông trông nom, nuôi dưỡng cháu P đến khi chị B1 về nước, ông nhất trí; Về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn chị B1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông N vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho anh Nguyễn Quý T được ly hôn chị Lưu Thị B1; Về con chung: Giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Diễm N1, sinh ngày 07/8/2010; chị B1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Quý P, sinh ngày 14/8/2012 cho đến khi con trưởng thành, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau; Ông Lưu Văn N có trách nhiệm trông nom chăm sóc cháu P cho đến khi chị B1 về nước; Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Quý T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa anh với chị Lưu Thị B1. Chị B1 hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không cung cấp được địa chỉ của

chị B1 tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu anh T và gia đình chị B1 cung cấp địa chỉ nhưng anh T và gia đình chị B1 đều không cung cấp được. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị B1, ông N vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T, chị B1, ông N.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh T, chị B1 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B2, thành phố D, tỉnh Hải Dương vào tháng 14/8/2009. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống sống vui vẻ, hòa thuận, được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Tháng 10/2020, chị B1 đã cùng con trai về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống, đến tháng 7/2022, chị B1 đi Đài Loan xuất khẩu lao động, vợ chồng sống xa cách nên mâu thuẫn ngày một trầm trọng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị B1. Thông qua gia đình, chị B1 cũng xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là nghi ngờ nhau về tình cảm vợ chồng, chị B1 xác định để anh T làm thủ tục ly hôn, chị không có ý kiến gì. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần xử cho anh T được ly hôn chị B1 là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Anh T và chị B1 có 02 con chung là Nguyễn Thị Diễm N1, sinh ngày 07/8/2010 và Nguyễn Quý P, sinh ngày 14/8/2012, hiện cháu N1 đang ở cùng anh T, cháu P đang ở cùng chị B1 và ông bà ngoại. Khi ly hôn, anh T và chị B1 đều thống nhất giao cháu N1 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giao cháu P cho chị B1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, ông bà ngoại sẽ hỗ trợ chăm sóc cháu P cho đến khi chị B1 về nước.

Xét đề nghị của anh T và chị B1 thì thấy: Cháu N1 có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng bố và ông bà nội, cháu P có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng mẹ và ông bà ngoại. Để ổn định cuộc sống cũng như học tập của các con chung, quan điểm của anh T và chị B1 là hợp lý. Chị B1 hiện đang làm ăn ở Đài Loan chưa về nước có đề nghị ông bà ngoại tiếp tục chăm sóc cháu P cho đến khi chị về nước, ông N nhất trí. Do vậy, cần tiếp tục giao con chung Nguyễn Thị Diễm

N1, sinh ngày 07/8/2010 cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Quý P, sinh ngày 14/8/2012 cho chị B1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành là phù hợp. Ông Lưu Văn N hỗ trợ chị B1 chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P cho đến khi chị B1 về nước. Hai bên không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng ai.

Anh T, chị B1 được quyền thăm nom các con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh T phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Quý T được ly hôn chị Lưu Thị B1.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Quý T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Diễm N1, sinh ngày 07/8/2010; giao cho chị Lưu Thị B1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Quý P, sinh ngày 14/8/2012, thời gian từ tháng 3/2023 đến khi các con chung thành niên. Ông Lưu Văn N có trách nhiệm chăm sóc cháu P trong thời gian chị B1 chưa về nước. Hai bên không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng ai.

Anh Nguyễn Quý T và chị Lưu Thị B1 được quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Quý T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình (được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003161 ngày 18/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương).

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Quý T, ông Lưu Văn N vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Chị Lưu Thị B1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường B2, thành phố D (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa

